

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

**Câu 1** (3,0 điểm).

1. Trình bày hệ quả sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên Trái Đất.
2. Phân tích sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.

**Câu 2** (2,0 điểm).

1. Tại sao số dân thành thị ở các nước đang phát triển ngày càng tăng nhanh?
2. Trình bày vai trò của cây công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 3** (5,0 điểm). Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày đặc điểm địa hình của vùng núi Đông Bắc. Độ cao địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ nhiệt của nước ta.
2. Nhận xét và giải thích chế độ mưa tại trạm khí tượng Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 4** (5,0 điểm).

1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày đặc điểm mạng lưới đô thị của vùng Đông Nam Bộ.
2. Tại sao tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn của nước ta cao hơn ở thành thị?

**Câu 5** (5,0 điểm). Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CHĂN NUÔI CỦA NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2015	2017	2019	2020
Thịt trâu	85,8	88,0	94,5	96,7
Thịt bò	299,7	321,7	355,3	373,6
Gia cầm	908,1	1031,9	1302,5	1504,9

(Nguồn: Niên giám thống kê 2020, NXB thống kê, 2021)

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020.
2. Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020.

----- **Hết** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành)

Họ và tên thí sinh: .....Số báo danh: .....

Chữ kí giám thị số 1:.....Chữ kí giám thị số 2:.....

HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 THPT  
(Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

**Chú ý:** Những cách giải khác HDC mà đúng thì cho điểm theo thang điểm đã định.

Câu	Nội dung	Điểm
<b>1</b> (3,0đ)	<b>1. Trình bày hệ quả sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên Trái Đất.</b>	<b>1,5</b>
	- Lực làm lệch hướng chuyển động của các vật thể được gọi là lực Côriôlit.	0,25
	- Các vật thể chuyển động trên bề mặt Trái Đất sẽ bị lệch hướng so với hướng chuyển động ban đầu: + Ở bán cầu Bắc: vật thể chuyển động lệch về phía bên phải. + Ở bán cầu Nam: vật thể chuyển động lệch về phía bên trái.	0,5
	- Nguyên nhân: do Trái Đất tự quay quanh trục, mọi điểm thuộc các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất đều có vận tốc dài khác nhau và hướng chuyển động từ tây sang đông.	0,5
	- Lực Côriôlit tác động mạnh tới hướng chuyển động của các khối khí, các dòng biển, dòng sông, đường đạn bay...	0,25
	<b>2. Phân tích sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.</b>	<b>1,5</b>
	- Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm ở bán cầu Bắc có sự thay đổi theo vĩ độ (từ Xích đạo về cực): + Nhiệt độ trung bình năm càng giảm ( <i>dẫn chứng</i> ) do góc chiếu của tia sáng Mặt Trời giảm từ Xích đạo về phía cực.	0,25
	+ Biên độ nhiệt độ năm càng tăng ( <i>dẫn chứng</i> ) do chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm tăng từ Xích đạo về phía cực.	0,75
<b>2</b> (2,0đ)	<b>1. Tại sao số dân thành thị ở các nước đang phát triển ngày càng tăng nhanh?</b>	<b>1,0</b>
	- Các nước đang phát triển diễn ra quá trình công nghiệp hóa dẫn đến lao động chuyển từ khu vực I sang khu vực II và III. Số dân hoạt động phi nông nghiệp ngày càng tăng, tập trung nhiều vào các đô thị.	0,5
	- Các đô thị có điều kiện thuận lợi hơn nông thôn nên thu hút dân cư nông thôn vào các thành phố lớn.	0,5
	<b>2. Trình bày vai trò của cây công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.</b>	<b>1,0</b>
	- Sản phẩm cây công nghiệp dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm.	0,5
	- Phát triển cây công nghiệp khắc phục được tính mùa vụ, tận dụng tài nguyên đất, phá thế độc canh.	0,25
- Các sản phẩm cây công nghiệp là các mặt hàng xuất khẩu quan trọng ở nhiều nước đang phát triển thuộc miền nhiệt đới và cận nhiệt.	0,25	

<b>3</b> <b>(5,0đ)</b>	<b>1. Trình bày đặc điểm địa hình của vùng núi Đông Bắc. Độ cao địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ nhiệt của nước ta.</b>	<b>3,0</b>
	* <i>Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc</i> - Giới hạn: nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng.	0,25
	- Đặc điểm chung: + Độ cao: chủ yếu là đồi núi thấp.	0,25
	+ Hướng núi chính: vòng cung.	0,25
	+ Hướng nghiêng: địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.	0,25
	- Các dạng địa hình chính: + Gồm 4 cánh cung lớn.	0,25
	+ Đỉnh núi cao trên 2000m nằm ở vùng Thượng nguồn sông Chảy. Giáp biên giới Việt - Trung là khối núi đá vôi đồ sộ ở Hà Giang, Cao Bằng.	0,25
	+ Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp có độ cao trung bình 500m - 600m.	0,25
	+ Theo hướng các dãy núi là hướng vòng cung của thung lũng sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam...	0,25
	* <i>Tác động của độ cao địa hình đến chế độ nhiệt nước ta</i> - Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp vì vậy tính nhiệt đới được bảo toàn. Theo quy luật đai cao cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm 0,6°C nên vùng núi nước ta có nhiệt độ thấp hơn so với nền nhiệt độ trung bình cả nước.	0,25
	- Chế độ nhiệt có sự thay đổi theo độ cao địa hình: + Độ cao từ 0m lên đến độ cao 600m - 700m ở miền Bắc, 900m - 1000m ở miền Nam (đai nhiệt đới gió mùa): nhiệt độ trung bình tháng trên 25°C, mùa hạ nóng.	0,25
	+ Độ cao từ 600m - 700m ở miền Bắc, 900m - 1000m ở miền Nam lên đến 2600m (đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi): không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C.	0,25
	+ Độ cao trên 2600m (đai ôn đới gió mùa trên núi, chỉ có ở Hoàng Liên Sơn) quanh năm nhiệt độ dưới 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C.	0,25
	<b>2. Nhận xét và giải thích chế độ mưa tại trạm khí tượng Thành phố Hồ Chí Minh.</b>	<b>2,0</b>
	- Khái quát: Thành phố Hồ Chí Minh thuộc vùng khí hậu Nam Bộ, miền khí hậu phía Nam.	0,25
	- Tổng lượng mưa trung bình năm lớn: 1600mm - 2000mm. Do vị trí giáp biển, nằm trong vùng hoạt động của gió mùa châu Á.	0,5
	- Chế độ mưa có sự phân mùa: + Mùa mưa tháng kéo dài 7 tháng (từ tháng V đến tháng XI), tổng lượng mưa mùa mưa lớn 1600mm - 2000mm. Tháng mưa cao nhất là tháng IX với lượng mưa gần 340mm. Do trực tiếp đón gió mùa Tây Nam gây mưa lớn, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới, bão.	0,5
	+ Mùa khô kéo dài 5 tháng (tháng XII đến tháng IV), tổng lượng mưa mùa khô thấp 200mm - 400mm. Tháng mưa thấp nhất là tháng II với lượng mưa khoảng 5mm. Do chịu ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.	0,5
	+ Chênh lệch lượng mưa giữa mùa mưa và mùa khô lớn.	0,25

<b>4</b> <b>(5,0đ)</b>	<b>1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày đặc điểm mạng lưới đô thị của vùng Đông Nam Bộ.</b>	<b>4,0</b>																			
	<i>* Khái quát vùng Đông Nam Bộ</i>																				
	- Đặc điểm chung: mạng lưới đô thị tương đối dày đặc với 07 đô thị.	0,25																			
	- Quy mô: chủ yếu là các đô thị lớn và trung bình.	0,25																			
	Cụ thể:																				
	+ Quy mô trên 1 000 000 người: Thành phố Hồ Chí Minh.	0,25																			
	+ Quy mô từ 500 001 - 1 000 000 người: Biên Hòa.	0,25																			
	+ Quy mô từ 200 001 - 500 000 người: Vũng Tàu.	0,25																			
	+ Quy mô từ 100 000 - 200 000 người: Tây Ninh, Thủ Dầu Một.	0,25																			
	+ Quy mô dưới 100 000 người: Đồng Xoài, Bà Rịa.	0,25																			
	- Phân cấp đô thị: có 04 cấp																				
	+ Đô thị đặc biệt: Thành phố Hồ Chí Minh.	0,25																			
	+ Đô thị loại 2: Biên Hòa.	0,25																			
	+ Đô thị loại 3: Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Vũng Tàu.	0,25																			
	+ Đô thị loại 4: Tây Ninh, Đồng Xoài.	0,25																			
	- Chức năng đô thị đa dạng:																				
	+ Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.	0,25																			
	+ Một số đô thị có chức năng công nghiệp, dịch vụ, hành chính: Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa, Đồng Xoài.	0,25																			
- Phân bố: mạng lưới đô thị phân bố khá tập trung.	0,25																				
<i>* Giải thích:</i>																					
- Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế năng động nhất nước ta, quá trình công nghiệp hóa diễn ra sớm và nhanh hơn các vùng khác.	0,25																				
- Mức độ tập trung công nghiệp cao; hoạt động dịch vụ, du lịch phát triển mạnh nhất nước ta.	0,25																				
<b>2. Tại sao tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn nước ta cao hơn ở thành thị?</b>	<b>1,0</b>																				
- Hoạt động kinh tế chủ yếu ở nông thôn là sản xuất nông nghiệp.	0,25																				
- Hoạt động nông nghiệp có tính mùa vụ nên số lao động nhàn rỗi rất lớn; hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn còn hạn chế dẫn đến tỉ lệ lao động thiếu việc làm thường cao.	0,75																				
<b>5</b> <b>(5,0đ)</b>	<b>1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta giai đoạn 2015 - 2020.</b>	<b>3,0</b>																			
<i>* Xử lí số liệu:</i>		1,0																			
<b>TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CHĂN NUÔI NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020</b>																					
<i>(Đơn vị: %)</i>																					
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 15%;">Năm</th> <th style="width: 15%;">2015</th> <th style="width: 15%;">2017</th> <th style="width: 15%;">2019</th> <th style="width: 15%;">2020</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thịt trâu</td> <td>100</td> <td>102,6</td> <td>110,1</td> <td>112,7</td> </tr> <tr> <td>Thịt bò</td> <td>100</td> <td>107,3</td> <td>118,6</td> <td>124,7</td> </tr> <tr> <td>Gia cầm</td> <td>100</td> <td>113,6</td> <td>143,4</td> <td>165,7</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	2015	2017	2019	2020	Thịt trâu	100	102,6	110,1	112,7	Thịt bò	100	107,3	118,6	124,7	Gia cầm	100	113,6	143,4	165,7	
Năm	2015	2017	2019	2020																	
Thịt trâu	100	102,6	110,1	112,7																	
Thịt bò	100	107,3	118,6	124,7																	
Gia cầm	100	113,6	143,4	165,7																	
<i>* Vẽ biểu đồ đường:</i>		2,0																			
yêu cầu vẽ chính xác, khoa học, có tên biểu đồ, chú giải. <i>(Lưu ý: nếu thiếu 1 trong các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm)</i>																					

<b>2. Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta giai đoạn 2015 - 2020.</b>	<b>2,0</b>
- Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta giai đoạn 2015 - 2020 có xu hướng tăng liên tục do nước ta thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển chăn nuôi; thị trường tiêu thụ rộng lớn; cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo...	0,5
- Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta có sự khác nhau: + Gia cầm có tốc độ tăng nhanh nhất (tăng 65,7%) do đây là nguồn cung cấp thịt chủ yếu, cơ sở thức ăn phong phú, nhu cầu thị trường rất lớn...	0,5
+ Tiếp đến là thịt bò có tốc độ tăng nhanh thứ 2 (tăng 24,7%) do nhu cầu thị trường ngày càng tăng lên.	0,5
+ Thịt trâu tăng chậm nhất (tăng 12,7%) do nhu cầu thị trường ít hơn.	0,5
<b>Tổng điểm toàn bài</b>	<b>20</b>

----- Hết -----